

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 12 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Danh Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2018 bà (Nguyễn Thị M) và ông Danh Văn H xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên tranh cãi. Bà và ông Danh Văn H không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy

cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Danh Văn H. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Minh K (giới tính nam) sinh ngày 11/4/2020 hiện đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/11/2022, bị đơn là ông Danh Văn H trình bày:

Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như về mâu thuẫn và thời gian không còn chung sống với nhau thì ông không nhớ rõ. Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Minh K (giới tính nam) sinh ngày 11/4/2020 hiện do bà Nguyễn Thị M đang nuôi, ông không đồng ý giao con cho bà Mai nuôi, ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Danh Văn H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn là ông Danh Văn H vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3]. Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Danh Văn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên bà Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn, ông Danh Văn H không đồng ý ly hôn. Do hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Danh Văn H vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Danh Văn H không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, bà Nguyễn Thị M và ông Danh Văn H không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Danh Văn H thống nhất xác định có 01 người con là Nguyễn Minh K (giới tính nam) sinh ngày 11/4/2020 hiện do bà Mai đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Mai, ông Hải cùng yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, con chung là Nguyễn Minh K hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”. Do đó việc giao con chung cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi là phù hợp

với quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị M không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung cả hai thống nhất xác định không có, đồng thời không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Danh Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Minh K (giới tính nam) sinh ngày 11/4/2020 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Minh Khang đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Danh Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị M đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018247 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước